

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang:

1. Sửa đổi điểm d, đ, g, n, o khoản 2 Điều 9 như sau:

“d) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Không thực hiện hỗ trợ 02 năm liên tiếp cho 01 đơn vị thụ hưởng”.

“đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.”

“g) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/nhãn hiệu.”

“n) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.”

“o) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.”

2. Bổ sung các điểm u, v, x, y khoản 2 Điều 9 như sau:

“u) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.”

“v) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: san lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.”

“x) Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài theo quy định tại Khoản 6, Điều 8, Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 28/3/2018 của Bộ Công Thương.”

“y) Chi hỗ trợ chi phí vé máy bay cho cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài theo quy định tại Khoản 7, Điều 8, Thông tư 28/2018/TT-BCT ngày 28/3/2018 của Bộ Công Thương.”

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ của đơn vị thực hiện, Sở Công Thương xem xét phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ; thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo; bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương.

b) Sở Công Thương thực hiện phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện đề án; các điều chỉnh không làm thay đổi nội dung đề án hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và các điều chỉnh khác”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều d, khoản 1 Điều 13 như sau:

“d) Thẩm định, tổng hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giao kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm. Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án khuyến công địa phương thông qua Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Sau khi thẩm định, các đề án khuyến công địa phương được tổng hợp theo như Mẫu số 2 Phụ lục 1 Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương kèm theo hồ sơ đề án đã thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Thay đổi từ ngữ

Thay thế cụm từ “Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp” bằng cụm từ “Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại” tại điểm a khoản 1 Điều 10; khoản 3, khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 13 của Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hậu Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Công Thương (Cục Công thương địa phương);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 4;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**